

Số: 08/2024/QĐCNTTLH

Chiêm Hóa, ngày 20 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Hoàng Đức Q và chị Vũ Thị L.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Đức Q.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

* Người khởi kiện: Anh Hoàng Đức Q, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

* Người bị kiện: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đức Q và chị Vũ Thị L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 13/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Thỏa thuận khác: Anh Hoàng Văn Q1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị Vũ Thị L số tiền là 29.000.000 đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*) vào ngày 30/10/2024.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Tân Mỹ (nơi ĐKKH);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Lương Thị Huệ